

Bản án số: **225/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 01-6-2022  
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lựu

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phan Văn Tao

2. Ông Nguyễn Quốc Xuân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Phụng H, sinh năm 1992 – *Có mặt*

Địa chỉ: 87 đường N5, khu công nghiệp H, Ấp 3, xã H, huyện G, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Lê Hồng Vương T, sinh năm 1991 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Số 1093, Tổ 6, Ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Trần Phụng H là nguyên đơn trình bày:***

Bà Trần Phụng H và ông Lê Hồng Vương T tự nguyện kết hôn năm 2014. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố H cấp ngày 19/02/2014.

Sau khi cưới bà H và ông T sống tại địa chỉ 1093, Tổ 6, Ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố H.

Thời gian đầu vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ đầu năm 2021 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thiếu trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, căng thẳng với nhau. Đến cuối năm 2021 thì bà H và con dọn ra ngoài ở riêng.

Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là trẻ Lê Hồng Thanh N, sinh ngày 14/10/2008. Hiện nay con chung do bà H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để ông Lê Hồng Vương T là bị đơn đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Lê Hồng Vương T vẫn không có mặt mà không có lý do chính đáng.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố H cấp ngày 19/02/2014 thì bà Trần Phụng H và ông Lê Hồng Vương T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét đơn khởi kiện của bà H yêu cầu ly hôn với ông T là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Thanh có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hồng Vương T là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải để ông T tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về các yêu cầu của đương sự:**

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuối năm 2021 thì bà H và con dọn ra ngoài ở riêng, ông T cũng bỏ mặc bà tự chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã P, huyện B thì “Bà Trần Phượng H và ông Lê Hồng Vương T chưa đến cơ quan để trình bày vụ việc”.

*Hội đồng xét xử xét:*

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Phượng H và ông Lê Hồng Vương T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, ông T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc chứng tỏ ông T cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Phượng H ly hôn ông Lê Hồng Vương T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Hằng yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con.

*Hội đồng xét xử xét:*

Bà Trần Phượng H và ông Lê Hồng Vương T có 01 con chung là trẻ Lê Hồng Thanh N, sinh ngày 14/10/2008. Hiện nay con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Bản ghi nhận nguyện vọng, trẻ Ngân cũng muốn được ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao con chung là trẻ Lê Hồng Thanh N cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Bà H xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà H phải nộp, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0037300 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Phượng H được ly hôn ông Lê Hồng Vương T.

-Về con chung: Giao con chung là trẻ Lê Hồng Thanh N, sinh ngày 14/10/2008 cho bà Trần Phương H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

-Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Bà Trần Phương H có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Lê Hồng Vương T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Bà H xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà H pThanh nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0037300 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Lựu**